

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 12-6-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Thanh;

Bà Hoàng Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/HSST-QĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn T1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1979 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn B (đã chết) và bà Phan Thị M (đã chết); có vợ là Vi Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lường Văn T2, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1977 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị B; có vợ là Đàm Thị L và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử

lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vi Văn A, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1971 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Bản N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L (đã chết) và bà Lương Thị P (đã chết); có vợ Tô Thị T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Vi Văn T3, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1986 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Vi Thị N; có vợ là Vi Thị Đ và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội Đánh bạc tại Bản án số 01/2012/HS-ST, ngày 12-01-2012 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lương Văn N, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1980 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N1 và bà Vi Thị T; có vợ là Tàng Thị L và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nông Văn T4, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1984 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn K và bà Vi Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lương Văn L, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1979 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn L1 và bà Đàm Thị P (đã chết); có vợ là Ma Thị T và 05 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Lý Văn C, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1985 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn M (đã chết) và bà Lộc Thị N; có vợ là Lường Thị M và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Nông Văn E, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H (đã chết) và bà Lâm Thị C; có vợ Vi Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020, đến ngày 21-02-2020 được thay đổi biện pháp Tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Vi Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 50 phút, ngày 12-02-2020, Tổ công tác Đoàn Công an thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang 09 (chín) đối tượng đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền mặt dưới hình thức “xóc đĩa” tại gian nhà bếp của gia đình Lường Văn T1 ở Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Lường Văn T1, Lường Văn T2, Vi Văn A, Vi Văn T3, Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 12-02-2020, Lường Văn T1 mời Lường Văn L, Lường Văn T2, Nông Văn E, Nông

Văn T4, Lý Văn C, Vi Văn A và Vi Văn T3 đến nhà ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, khoảng 20 giờ cùng ngày, Lường Văn T1 rủ các bị cáo tham gia đánh bạc “xóc đĩa” thắng thua bằng tiền, các bị cáo đồng ý. Sau đó Lường Văn T1 chuẩn bị các vật dụng dùng để đánh bạc gồm: Một bát, một đĩa bằng sứ, 04 quân vị bằng gỗ có phân biệt hai mặt đen, trắng, 01 bảng vị bằng giấy bìa cây thuốc lá trên có ghi các ký hiệu phân biệt 03 trắng - 03 đen; 04 trắng - 04 đen và 01 vỏ bao tải dừa dùng làm chiếu. Lường Văn T2 chủ động nhận làm cái, có nhiệm vụ “xóc đĩa”; Vi Văn A chủ động cầm “bảng vị” để cho mọi người tham gia đặt cược. Khi các đối tượng đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Lường Văn N đến và tham gia đánh bạc cùng.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” là hình thức đánh bạc từ hai người trở lên, sử dụng một bát sứ úp lên một đĩa sứ bên trong có bốn quân vị được làm bằng gỗ hoặc bìa giấy được cắt thành hình tròn (một mặt đen, một mặt trắng). Khi chơi, người “xóc đĩa” gọi là người cầm cái dùng hai tay cầm bát đĩa lắc (xóc cái), khi xóc xong thì đặt bát, đĩa vừa xóc xuống trước mặt để những người chơi tùy ý lựa chọn đặt tiền vào cửa chắn hoặc cửa lẻ (quy ước đặt tiền bên tay phải người cầm cái là đặt cửa chắn, còn đặt tiền bên trái người cầm cái là đặt cửa lẻ, số tiền đặt cửa không quy định mà tùy thuộc vào người đánh bạc). Sau khi những người đánh bạc đặt tiền xong thì người cầm cái mở bát để kiểm tra kết quả là chắn hay lẻ. Chắn quy định là bốn quân vị cùng một màu hoặc có hai quân mặt trắng, hai quân mặt đen; lẻ là có một quân khác màu với ba quân còn lại. Người thắng là người đặt đúng cửa và được người cầm cái lấy tiền của bên thua để trả với tỉ lệ 1/1 tức là đặt cửa bao nhiêu thì được thêm bằng đó, tiền thừa thì người cầm cái hưởng, thiếu tiền người cầm cái phải bỏ tiền bù. Đánh bạc bằng hình thức “bảng vị” căn cứ theo kết quả của hình thức đánh bạc “xóc đĩa”. Bảng vị là một bìa giấy vỏ cây thuốc lá trên mặt trắng được chia thành 04 (bốn) ô: 01 ô vẽ 04 hình tròn tô màu đen, 01 ô vẽ 04 hình tròn không tô màu, 01 ô vẽ 03 hình tròn và 01 ô vẽ 01 hình tròn đều tô màu đen. Các cặp ô trên bảng vị tương ứng với kết quả của hình thức đánh “xóc đĩa” như sau: Ô có 04 hình tròn màu đen tương ứng với kết quả “xóc đĩa” là bốn quân vị màu đen; ô có 04 hình tròn không tô màu tương ứng với kết quả “xóc đĩa” là bốn quân vị màu trắng; ô có 03 hình tròn màu đen tương ứng với kết quả “xóc đĩa” là ba quân vị màu đen; ô có 01 hình tròn tô màu đen tương ứng với kết quả “xóc đĩa” là một quân vị màu đen. Tỷ lệ đặt cược ở bảng vị như sau: Số tiền đặt cược tùy thuộc từng người chơi, đặt cược ở ô có 04 hình tròn tỷ lệ 01 ăn 10; 02 ô còn lại tỷ lệ 02 ăn 07. Trường hợp xóc đĩa kết quả là 02 trắng, 02 đen thì người cầm “bảng vị” được toàn bộ số tiền đặt cược của những người chơi. Người thắng được người cầm “bảng vị” trả tiền, người thua bị mất toàn bộ số tiền cho người cầm bảng vị.

Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày, 09 bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Đoàn Công an thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng để đánh bạc là 17.450.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), thu trên chiếu bạc số tiền 1.600.000 đồng, thu trên người các bị cáo 15.850.000 đồng. Trong đó, Vi Văn T3

đem theo số tiền 24.700.000 đồng và sử dụng số tiền 4.700.000 đồng với mục đích đánh bạc, số tiền 20.000.000 đồng không dùng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Vi Văn T3 đang thua bạc, trên người còn có 24.450.000 đồng; Lường Văn T1 khi sử dụng số tiền 4.530.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Lường Văn T1 đang thua bạc, trên người còn có 3.400.000 đồng; Vi Văn A sử dụng số tiền 3.390.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Vi Văn A thua bạc, trên người còn có 3.200.000 đồng; Lường văn N sử dụng số tiền 3.000.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Lường Văn N không thắng, không thua bạc, trên người có 3.000.000 đồng; Nông Văn T4 sử dụng số tiền 900.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Nông Văn T4 thua bạc, trên người còn có 800.000 đồng; Lường Văn T2 sử dụng số tiền 500.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Lường Văn T2 đang thắng bạc, trên người có 1.000.000 đồng; Lường Văn L sử dụng số tiền 200.000 đồng với mục đích đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Lường Văn L thua bạc hết; Lý Văn C sử dụng số tiền 150.000 để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Lý Văn C thua bạc hết; Nông Văn E sử dụng số tiền 80.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Nông Văn E thua bạc hết.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-LB, ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lường Văn T1, Vi Văn T3, Vi Văn A, Lường văn N, Nông Văn T4, Lường Văn T2, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, cả 09 (chín) bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị Đ trình bày số tiền 20.000.000 đồng bị cáo Vi Văn T3 mang theo tối ngày 12-02-2020 là tài sản chung của vợ chồng để dành trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền này. Chị Vi Thị H trình bày xe mô tô bị cáo Nông Văn E sử dụng ngày 12-02-2020 là tài sản chung của vợ chồng và đã được cơ quan điều tra trả lại xe mô tô nên không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lường Văn T1, Lường Văn T2, Vi Văn A, Vi Văn T3, Lường văn N, Nông Văn T4, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E phạm tội Đánh bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lường Văn T1 từ 10 tháng đến 13 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vi Văn T3 từ 09 tháng đến 12 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lường Văn N từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều

65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vi Văn A từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Văn T4 từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lương Văn T2 từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 09 bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bát sứ màu trắng có đường kính 12 cm, 01 (một) đĩa sứ màu trắng có đường kính 18 cm; 04 (Bốn) quân vị bằng gỗ, một mặt đen, một mặt trắng, 01 (một) bảng vị bằng bìa giấy vỏ cây thuốc lá, trên mặt trắng có ghi các ký hiệu vẽ bằng tay phân biệt trắng đen (ba trắng, ba đen), kích thước 27,5 x 28,5 cm, 01 (một) vỏ bao tải dừa, kích thước 1m 03 x 90 cm; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.450.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); trả lại bị cáo Vi Văn T3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lương Văn T2, Vi Văn A, Vi Văn T3, Lương Văn N, Nông Văn T4, Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận. Bị cáo Lương Văn T1 có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị được hưởng án treo. Lời nói sau cùng, các bị cáo Lương Văn T1 và Vi Văn T3 xin được giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Lương Văn T2, Vi Văn A, Lương văn N, Nông Văn T4, Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trước phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ 00 phút đến

23 giờ 50 phút ngày 12-02-2020, các bị cáo Lường Văn T1, Lường Văn T2, Vi Văn A, Vi Văn T3, Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền mặt dưới hình thức “xóc đĩa” tại gian nhà bếp của gia đình Lường Văn T1 ở Thôn Nà S, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 17.450.000 đồng; thu trên chiếu bạc số tiền 1.600.000 đồng, thu trên người các bị cáo 15.850.000 đồng. Trong đó, Vi Văn T3 sử dụng 4.700.000 đồng để đánh bạc; Lường Văn T1 sử dụng 4.530.000 đồng để đánh bạc; Vi Văn A sử dụng 3.390.000 đồng để đánh bạc; Lường Văn N sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; Nông Văn T4 sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc; Lường Văn T2 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc; Lường Văn L sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc; Lý Văn C sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc; Nông Văn E sử dụng 80.000 đồng để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc trực tiếp xâm hại an ninh trật tự tại địa phương và nếp sống văn minh của xã hội, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 09 bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lường Văn T1, Lường Văn T2, Vi Văn A, Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lường Văn T2, Vi Văn A và Vi Văn T3 được Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xác nhận là người dân tộc thiểu số, là lao động chính trong gia đình sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, là công dân tốt, trước lần phạm tội này luôn chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo Lường Văn T1, Lường Văn T2, Vi Văn A, Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt; bị cáo Vi Văn T3 đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Đánh bạc và đã được xóa án tích, là người có nhân thân không tốt.

[7] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng tuy nhiên vẫn cần có hình phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Lương Văn T1 là người khởi xướng và chuẩn bị các công cụ để đánh bạc, sử dụng nhà bếp của mình làm địa điểm đánh bạc, tham gia đánh bạc với các bị cáo khác, thu được tiền hồ là 160.000 đồng nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Vi Văn T3 đã bị xét xử về hành vi Đánh bạc nhưng không ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội và sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức tu dưỡng bản thân, coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Các bị cáo Lương Văn T2, Vi Văn A, Lương Văn N, Nông Văn T4, Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E tham gia đánh bạc nhưng không có tính chất chuyên nghiệp, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên xét thấy chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh, các bị cáo đều làm ruộng, có thu nhập thấp, gia đình một số bị cáo thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 08 (tám) điện thoại di động các loại, bên trong điện thoại có gắn thẻ sim và 03 (ba) xe mô tô các loại là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các vật chứng sau: 01 (một) bát sứ màu trắng có đường kính 12 cm, 01 (một) đĩa sứ màu trắng có đường kính 18 cm, 04 (bốn) quân vị bằng gỗ, một mặt đen, một mặt trắng, 01 (một) bảng vị bằng bìa giấy vò cây thuốc lá, trên mặt trắng có ghi các ký hiệu vẽ bằng tay phân biệt trắng đen (ba trắng, ba đen) kích thước 27,5 x 28,5 cm, 01 (một) vỏ bao tải dừa, kích thước 1m 03 x 90 cm là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với số tiền 17.450.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo Vi Văn T3 mang theo nhưng không dùng vào mục đích đánh bạc cần trả lại cho bị cáo Vi Văn T3.

[10] Đối với bị cáo Lương Văn T1 đã có hành vi sử dụng gian nhà bếp của gia đình do mình quản lý để tổ chức 01 (một) chiếu bạc cho 09 (chín) người tham gia đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.450.000 đồng và thu được

tiền hồ do những người đánh bạc góp là 160.000 đồng nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Các bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Văn T3.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lương Văn N, Nông Văn T4, Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lương Văn T2, Vi Văn A.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T1, Vi Văn T3, Vi Văn A, Lương văn N, Nông Văn T4, Lương Văn T2, Lương Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn T1 10 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 21-02-2020.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T3 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 21-02-2020.

Xử phạt bị cáo Vi Văn A 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T4 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Lường Văn T2 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Lường Văn L 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Lý Văn C 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Xử phạt bị cáo Nông Văn E 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12-6-2020.

Giao các bị cáo Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn T2, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và giao bị cáo Vi Văn A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bát sứ màu trắng có đường kính 12 cm, 01 (một) đĩa sứ màu trắng có đường kính 18 cm, 04 (bốn) quân vị bằng gỗ, một mặt đen, một mặt trắng, 01 (một) bảng vị bằng bìa giấy vò cây thuốc lá, trên mặt trắng có ghi các ký hiệu vẽ bằng tay phân biệt trắng đen (ba trắng, ba đen) kích thước 27,5 x 28,5 cm, 01 (một) vỏ bao tải dừa, kích thước 1m 03 x 90 cm. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.450.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trả lại cho bị cáo Vi Văn T3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). *(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21-4-2020; tiền đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản ngày 21-4-2020).*

4. Về án phí: Các bị cáo Lường Văn T1, Vi Văn T3, Vi Văn A, Lường Văn N, Nông Văn T4, Lường Văn T2, Lường Văn L, Lý Văn C, Nông Văn E phải chịu mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nông Thị Huyền Trang

